TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: **63/2018/HNGĐ-ST.**
Ngày: **22/10/2018.**

"V/v : Ly hôn".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quang Vinh.

2. Ông Trần Tuất.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hồ Văn Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2018/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2018, về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn 2 - xã G - huyện T - Bình Thuận: Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trương Ngọc L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn 2 - xã G - huyện T - Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn – Bà Nguyễn Thị Tr trình bày như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Tr và ông Trương Ngọc L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương vào năm 1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thế nhưng, đến năm 2001 thì vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cải vã nhau. Do kinh tế gia đình gặp khó khăn nên ông L thường xuyên chửi mắng bà Tr. Ông L, bà Tr không cùng quan điểm nên không thể chia sẻ với nhau về các vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Thời gian này, các bên không còn liên lạc với nhau. Hiện nay, bà Tr không còn tình cảm với ông L và cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên bà Tr yêu cầu giải quyết ly hôn.

- *Về con chung:* Bà Tr và ông L có 04 người con chung tên Trương Ngọc A, sinh năm 1993; Trương Thị Y, sinh năm 1995; Trương Ngọc P, sinh năm 1998 và Trương Tấn N, sinh ngày 26/9/2000. Những người con chung đều đã thành niên và có khả năng lao động nên bà Tr không yêu cầu giải quyết việc nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Tr không yêu cầu giải quyết.

[2]. Trong giai đoạn thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Trương Ngọc L không đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với bà Tr. Vì vậy Tòa án không thể thu thập được lời khai của ông Trương Ngọc L về các vấn đề liên quan trong vụ án.

[3]. Những vấn đề các đương sự đã thống nhất và chưa thống nhất:

Do chưa thu thập được lời khai của bị đơn - Ông Trương Ngọc L nên chưa xác định được những vấn đề các đương sự đã thống nhất và chưa thống nhất.

[4]. Những chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án:

- Bà NguyễnThị Tr đã cung cấp cho Tòa án các chứng cứ sau: 01 Giấy chứng nhận kết hôn; 01 đơn xác nhận không đề ngày; 01 Giấy khai sinh đứng tên Trương Tấn N (Bản sao); 01 chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Tr (Bản sao); 01 chứng minh nhân dân mang tên Trương Ngọc L (Bản sao) và 01 sổ hộ khẩu (Bản sao).

- Trong quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương xã G về việc cư trú của bị đơn - Ông Trương Ngọc L và về tình trạng hôn nhân của vợ chồng ông L, bà Tr. Ngoài ra, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; Cơ quan thường trú Đài tiếng nói Việt Nam đã nhắn tin vào các ngày 20/8/2018, 21/8/2018, 22/8/2018 và Tòa soạn báo công lý cũng đã nhắn tin thông báo tại các số báo: Số 64, ngày 10/8/2018; số 65, ngày 15/8/2018 và số 66, ngày 17/87/2018.

[5]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Ý kiến về việc tuân theo Pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến đề nghị việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 146, 147, 203, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Tr được ly hôn với ông Trương Ngọc L.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm (đã nộp đủ).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Trong giai đoạn giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn - ông Trương Ngọc L đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn - Ông Trương Ngọc L là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Về quan hệ pháp luật trong vụ án:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn - Bà Nguyễn Thị Tr yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS là có căn cứ.

[3]. Về yêu cầu giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Nguyễn Thị Tr và ông Trương Ngọc L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương vào năm 1994. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn. Bà Tr cho rằng: Trong thời gian này kinh tế gia đình gặp khó khăn; vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau nên ông L thường xuyên kiếm chuyện gây gỗ với bà Tr. Ông L nhiều lần dùng những lời lẻ xúc phạm đến danh dự của bà Tr và thỉnh thoảng có đánh đập bà Tr. Ông L và bà Tr không còn chia sẻ với nhau về những vấn đề trong cuộc sống. Vợ chồng chung sống không có hạnh phúc nên từ năm 2016 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Hiện nay, các bên không còn liên lạc và quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà Tr không còn tình cảm với ông L nên không mong muốn tiếp tục chung sống lại với nhau nên đề nghị giải quyết ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Tr và ông L đã sống ly thân trong thời gian dài. Vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Thời gian đầu sống ly thân, ông L có vận động bà Tr quay về để chung sống lại với nhau, nhưng bà Tr không chấp nhận. Tại phiên tòa, bà Tr xác định không còn tình cảm gì với ông L và cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Tại các biên bản xác minh ngày 25/7/2018 thể hiện: Trong thời gian còn chung sống, ông L, bà Tr thường xảy ra mâu thuẫn. Cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc.

Điều đó chứng tỏ, quan hệ hôn nhân giữa bà Tr, ông L đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Cho nên, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Tr về việc ly hôn là có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy, cần xử cho bà Nguyễn Thị Tr được ly hôn với ông Trương Ngọc L là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về việc nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hiện nay, các con chung của bà Tr và ông L đều đã thành niên và đều có khả năng lao động; bà Tr không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung:

Bà Nguyễn Thị Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[6]. Về án phí: Cần buộc bà Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà Nước là phù hợp với Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Tr được ly hôn với ông Trương Ngọc L là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH XIV, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị Tr được ly hôn với ông Trương Ngọc L.

- *Về án phí:* Buộc bà Nguyễn Thị Tr phải nộp 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà Tr đã nộp theo biên lai số N.0012616 ngày 28/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Bà Nguyễn Thị Tr đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án - Ngày 22/10/2018. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết ***(Đã gải thích quyền kháng cáo).***

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- C.C Thi hành án DS;
- UBND xã G (thay TB);
- Lưu VP, án văn, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Yến